

Biểu phí dịch vụ Thẻ tín dụng CIMB REVI

Hiệu lực từ 15/07/2026

Dịch vụ	Mức phí			
	Khách hàng chuẩn	Khách hàng ưu tiên tại quầy	Khách hàng ưu tiên trên ngân hàng số	Khách hàng là nhân viên CIMB
Phí phát hành và Phí thường niên				
Phí phát hành	Miễn phí	Miễn phí	Miễn phí	Miễn phí
Phí thường niên				
Năm đầu tiên	300,000 VNĐ Miễn phí nếu khách hàng có chỉ tiêu tối thiểu 1,000,000 VNĐ trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát hành.	Miễn phí nếu khách hàng duy trì là khách hàng ưu tiên tại CIMB.	Miễn phí nếu khách hàng duy trì là khách hàng ưu tiên trên ngân hàng số tại CIMB.	Miễn phí
Năm thứ hai trở đi	300,000 VNĐ Miễn phí nếu khách hàng có chỉ tiêu tối thiểu từ 30 triệu đồng trong năm liền trước.	Miễn phí nếu khách hàng duy trì là khách hàng ưu tiên tại CIMB.	Miễn phí nếu khách hàng duy trì là khách hàng ưu tiên trên ngân hàng số tại CIMB.	Miễn phí
Phí giao dịch thẻ				
Phí rút tiền ATM nội địa	3%	3%	3%	3%
Phí rút tiền ATM nước ngoài	3%	3%	3%	3%
Phí giao dịch ngoại tệ				
Giao dịch thanh toán qua POS	3%	0%	0%	3%
Giao dịch thanh toán Online	3%	1%	1%	3%

Giao dịch rút tiền ATM	3%	3%	3%	3%
Phí xử lý giao dịch nước ngoài	Miễn phí	Miễn phí	Miễn phí	Miễn phí
Phí giao dịch bị từ chối	Miễn phí	Miễn phí	Miễn phí	Miễn phí
Phí quản lý thẻ				
Phí cấp lại mã PIN điện tử	Miễn phí	Miễn phí	Miễn phí	Miễn phí
Phí gia hạn thẻ	Miễn phí	Miễn phí	Miễn phí	Miễn phí
Phí thay thế/ phát hành lại thẻ	200,000 VNĐ	200,000 VNĐ	200,000 VNĐ	200,000 VNĐ
Phí đóng thẻ				
Nếu đóng thẻ trong vòng 12 tháng kể từ ngày phát hành lần đầu.	300,000 VNĐ	500,000 VNĐ	500,000 VNĐ	Miễn phí
Phí xác nhận số dư hoặc thông tin thẻ ⁽¹⁾	110,000 VNĐ/ lần	110,000 VNĐ/ lần	110,000 VNĐ/ lần	110,000 VNĐ/ lần
Phí khiếu nại sai	200,000 VNĐ	200,000 VNĐ	200,000 VNĐ	200,000 VNĐ
Phí chậm thanh toán	5% áp dụng trên toàn bộ dư nợ gốc cuối kỳ chưa thanh toán ghi nhận tại bảng sao kê thẻ tín dụng hàng tháng. Phí chậm thanh toán sẽ đến hạn ngay vào ngày đến hạn thanh toán của kỳ sao kê ghi nhận việc khách hàng chậm thanh toán.			
Phí khác				

Phí chuyển phát				
Nhận tại ngân hàng (chỉ áp dụng cho khách hàng ưu tiên tại quầy).	Không áp dụng	Miễn phí	Không áp dụng	Không áp dụng
Chuyển phát thường hoặc nhận qua thư tín điện tử	50,000 VNĐ/ lần	50,000 VNĐ/ lần	50,000 VNĐ/ lần	50,000 VNĐ/ lần
Chuyển phát nhanh trong địa bàn Tp. HCM.	100,000 VNĐ/ lần	100,000 VNĐ/ lần	100,000 VNĐ/ lần	100,000 VNĐ/ lần
Chuyển phát nhanh ngoài địa bàn Tp.HCM.	180,000 VNĐ/ lần	180,000 VNĐ/ lần	180,000 VNĐ/ lần	180,000 VNĐ/ lần
Phí dịch vụ khác áp dụng theo yêu cầu của khách hàng	200,000 VNĐ/ lần	200,000 VNĐ/ lần	200,000 VNĐ/ lần	200,000 VNĐ/ lần
Phí dịch vụ yêu cầu đặc biệt	500,000 VNĐ/ lần	500,000 VNĐ/ lần	500,000 VNĐ/ lần	500,000 VNĐ/ lần
Phí tra soát giao dịch	200,000 VNĐ/ giao dịch	200,000 VNĐ/ giao dịch	200,000 VNĐ/ giao dịch	200,000 VNĐ/ giao dịch
Lãi suất				
Lãi suất áp dụng cho dư nợ từ giao dịch mua sắm (thanh toán hàng hóa, dịch vụ)	36.49% / năm	0% / năm	0% / năm	36.49% / năm
Lãi suất áp dụng cho dư nợ từ giao dịch rút tiền	39.49% / năm	0% / năm	0% / năm	39.49% / năm

Phí duy trì khoản trả góp thẻ tín dụng hàng tháng

Không áp dụng

Phí duy trì khoản trả góp thẻ tín dụng hàng tháng được tính trên dư nợ tính lãi của khách hàng tại ngày đến hạn thanh toán, chi tiết như sau:

Dư nợ tính lãi	Mức phí
Dư nợ tính lãi < 5 triệu đồng	100,000 VNĐ
5 triệu đồng $\leq$ Dư nợ tính lãi < 10 triệu đồng	200,000 VNĐ
10 triệu đồng $\leq$ Dư nợ tính lãi < 30 triệu đồng	500,000 VNĐ
30 triệu đồng $\leq$ Dư nợ tính lãi < 50 triệu đồng	1,000,000 VNĐ
50 triệu đồng $\leq$ Dư nợ tính lãi < 100 triệu đồng	1.5% x dư nợ tính lãi của khách hàng sau ngày đến hạn thanh toán của kỳ sao kê, tối thiểu 1,000,000 VNĐ
Dư nợ tính lãi $\geq$ 100 triệu đồng	1% x dư nợ tính lãi của Khách hàng sau ngày đến hạn thanh toán của kỳ sao kê, tối thiểu 1,000,000 VNĐ

Phí duy trì khoản trả góp thẻ tín dụng hàng tháng sẽ được ghi nhận vào sau ngày đến hạn thanh toán của khách hàng và sẽ được ghi nhận như một giao dịch phí trong kỳ sao kê tiếp theo.

Không áp dụng

Thanh toán dư nợ thẻ

Số kỳ hạn thanh toán	- Khoản trả góp hàng tháng sẽ được tính phụ thuộc vào dư nợ tính lãi và theo số kỳ hạn thanh toán mặc định thành nhiều đợt bằng nhau bao gồm nợ gốc và lãi. - Số tiền tối thiểu của từng khoản trả góp hàng tháng là 200,000 VNĐ (áp dụng đối với khách hàng ưu tiên) và/hoặc là 50,000 VNĐ (áp dụng đối với các khách hàng khác). - Kỳ hạn thanh toán được mặc định tối đa là 48 tháng. - Khoản trả góp hàng tháng và kỳ hạn thanh toán sẽ được thể hiện trên bảng sao kê hàng tháng. .
Khoản thanh toán tối thiểu	Khoản thanh toán tối thiểu bao gồm: - 5% tổng số tiền của các giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ mới phát sinh trong kỳ sao kê; và - Các khoản trả góp hàng tháng của các dư nợ quá hạn; và - Các khoản trả góp hàng tháng của các dư nợ đến hạn; và - Các khoản phạt (lãi, phí trả nợ trễ hạn...) (nếu có)

⁽¹⁾ Tối đa 3 lần/ lần.

Ghi chú:

- Biểu phí này đã bao gồm 10% thuế giá trị gia tăng VAT;
- Phí được tính trên từng giao dịch hoặc yêu cầu, trừ trường hợp được quy định khác tại Biểu phí này.
- Các dịch vụ thẻ khác không được nêu tại Biểu phí này sẽ được cung cấp theo yêu cầu của Khách hàng với mức phí theo quy định của CIMB.